

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC TÙNG**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC TÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108597913

**3. Ngày thành lập:** 22/01/2019

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 27 tòa nhà hỗn hợp văn phòng, số 110 phố Trần phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                     | <b>Mã ngành</b> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291            |
| 2.         | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                      | 4292            |
| 3.         | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293            |
| 4.         | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299            |
| 5.         | Phá dỡ                                                                                               | 4311            |
| 6.         | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312            |
| 7.         | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329            |
| 8.         | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330(Chính)     |
| 9.         | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390            |
| 10.        | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý                                               | 4610            |
| 11.        | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659            |
| 12.        | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                          | 5210            |
| 13.        | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752            |
| 14.        | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                     | 4932            |
| 15.        | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933            |
| 16.        | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592            |
| 17.        | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                        | 2829            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn đấu thầu<br>- Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;<br>- Thiết kế cơ - điện công trình;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. | 7110 |
| 19. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2816 |
| 20. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2824 |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320 |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4222 |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322 |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7730 |
| 30. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8121 |
| 31. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8129 |
| 32. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8130 |
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649 |
| 34. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4721 |
| 35. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 36. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 37. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4724 |
| 38. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631 |
| 39. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632 |
| 40. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633 |
| 41. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4634 |
| 42. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6619 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ NGUYỆT ANH | P1214 - chung cư Lancaster, số 20 Núi Trúc, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 011957463                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ MINH TÂN       | P1214- VP4 bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 0360440000<br>55                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN TRỌNG LÂM  | Ngõ 19, phố Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 0100710000<br>06                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG LÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010071000006

Ngày cấp: 11/07/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ngõ 19, phố Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1214 - chung cư Lancaster, số 20 Núi Trúc, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội